

BIỂU PHÍ F

Biểu phí sản phẩm – dịch vụ liên quan Bảo lãnh cá nhân (Áp dụng từ ngày 11/09/2026)

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ (Các loại phí này không phải chịu VAT)	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
1	Phát hành thư bảo lãnh			
	<i>Phát hành bảo lãnh có xác định thời hạn cụ thể, nếu dùng nhiều hình thức bảo đảm thì áp dụng mức phí tương ứng với từng hình thức bảo đảm</i>			
	- Phần ký quỹ (tiền ký quỹ không được hưởng lãi không kỳ hạn)	Miễn phí		
	- Phần bảo đảm bằng sổ tiết kiệm và giấy tờ có giá do SHB phát hành	0,07 %/tháng	150.000 VNĐ	
	- Phần bảo đảm bằng sổ tiết kiệm và giấy tờ có giá do TCTD khác phát hành	0,17 %/tháng	250.000 VNĐ	
	- Phần bảo đảm bằng bất động sản	0,2 %/tháng	200.000 VNĐ	
	- Phần bảo đảm bằng tài sản khác	0,25 %/tháng	300.000 VNĐ	
	- Phần không có tài sản bảo đảm	0,3%/tháng	500.000 VNĐ	
2	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của khách hàng	Thu thêm 100.000 VNĐ		
3	Phát hành thư bảo lãnh bằng tiếng Anh	Thu thêm 100.000 VNĐ		

4	Tu chỉnh thư bảo lãnh			
	Tu chỉnh tăng tiền, gia hạn thư bảo lãnh	Áp dụng như phát hành thư bảo lãnh đối với phần tăng, gia hạn		
	Tu chỉnh khác	300.000 VNĐ/lần		
5	Tái cấp bảo lãnh	Áp dụng như phát hành thư bảo lãnh		
6	Bảo lãnh đối ứng	0,15 %/tháng		
7	Xác nhận bảo lãnh			
7.1	Phần ký quỹ (tiền ký quỹ không được hưởng lãi không kỳ hạn)	Miễn phí		
7.2	Phần không ký quỹ	0,15%/tháng x Thời gian bảo lãnh x Giá trị bảo lãnh	200.000 VNĐ	
8	Phí xác thực thư bảo lãnh (tính chân thực)	Miễn phí		
9	Phí cấp lại bảo lãnh (bản sao)	100.000 VNĐ/lần		
10	Hủy thư bảo lãnh			
10.1	Hủy do bảo lãnh hết hiệu lực	Miễn phí		
10.2	Hủy do đề nghị của KH (giải tỏa bảo lãnh trước hạn)			
	- Trường hợp SHB đã thu đủ phí cho toàn bộ thời gian bảo lãnh.	100.000 VNĐ		
	- Trường hợp khác	300.000 VNĐ		
11	Phát hành thư cam kết sẽ phát hành thư bảo lãnh	500.000 VNĐ/lần		

12	Phí đổi biện pháp bảo đảm cho thư bảo lãnh	200.000 VNĐ/lần + phí phát hành tăng thêm (nếu có)		
13	Thông báo bảo lãnh của ngân hàng khác	300.000 VNĐ		
14	Thông báo tu chính bảo lãnh của ngân hàng khác	300.000 VNĐ		
15	Thông báo hủy bảo lãnh của ngân hàng khác	300.000 VNĐ		
16	Thanh toán bảo lãnh theo cam kết	0,2 %/số tiền thực hiện nghĩa vụ	300.000 VNĐ	

Ghi chú:

1. Biểu phí này không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (VAT).
2. Công thức tính phí phát hành bảo lãnh: Số tiền phí [=] Mức phí/30 [x] Giá trị thư bảo lãnh tại thời điểm thu phí [x] Số ngày bảo lãnh. Đối với trường hợp bảo lãnh có nhiều loại TSBĐ khác nhau, ĐVKD thu phí bảo lãnh là tổng phí bảo lãnh theo từng loại TSBĐ, tối thiểu bằng mức phí tối thiểu lớn nhất của bảo lãnh theo từng loại TSBĐ.
3. Phí được thu ngay 1 lần khi phát sinh nghiệp vụ; hoặc thu phí theo phân kỳ thực hiện theo quy định hiện hành của SHB.
4. SHB không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp KH yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của SHB gây ra.
5. Những chi phí phát sinh ngoài biểu phí như dịch vụ bưu phẩm, phát chuyển nhanh, fax, telex..., chi phí ngân hàng trung gian sẽ được thu thêm theo thực tế.
6. Những dịch vụ khác không được liệt kê ở biểu phí này sẽ được SHB thông báo cho KH khi có nghiệp vụ phát sinh.
7. Biểu phí này có thể được thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của SHB tại từng thời kỳ.
8. SHB và KH có thể thỏa thuận mức phí khác với mức phí niêm yết phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ của SHB.